

Tăng tỷ trọng

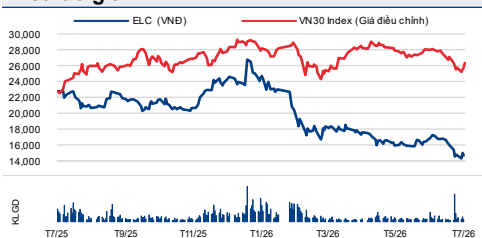
Giá mục tiêu: VNĐ19,200

Tiềm năng tăng/giảm: 28.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/7/2026)	14,900
Mã Bloomberg	ELC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	14,300-26,750
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	14,725
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	1,640
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	62.4
Slg CP lưu hành (tr.đv)	110
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	53.9
Slg CP NN được mua (tr.đv)	51.6
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	2.14%
Tỷ lệ freefloat	65.0%
Cổ đông lớn	Phan Chiến Thắng (7.54%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	1,518	1,682	1,928
EBITDA đc (tỷ đồng)	139	165	187
LNTT (tỷ đồng)	152	145	168
LNT ĐC (tỷ đồng)	128	118	137
FCF (tỷ đồng)	(305)	156	101
EPS ĐC (đồng)	1,101	1,021	1,179
DPS (đồng)	0	500	500
BVPS (đồng)	12,273	12,794	13,473
T.trưởng EBITDA (%)	19.5	18.5	13.9
T.trưởng EPS ĐC (%)	1.12	(7.29)	15.5
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	9.15	9.78	9.72
Tỷ suất LNTT (%)	10.0	8.62	8.69
Tỷ suất LNT ĐC (%)	8.41	7.03	7.09
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	46.5	40.3
Nợ thuần/VCSH (%)	6.52	3.61	7.70
ROAE (%)	10.6	8.57	9.45
ROACE (%)	8.84	8.11	8.93
EV/doanh thu (lần)	1.07	0.94	0.84
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.7	9.56	8.64
P/E ĐC (lần)	13.5	14.6	12.6
P/B (lần)	1.21	1.16	1.11
Lợi suất cổ tức (%)	0	3.36	3.36

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

ELC là doanh nghiệp cung cấp các giải pháp thông minh với 30 năm kinh nghiệm và năng lực trong các lĩnh vực Giao thông thông minh, viễn thông, an ninh quốc phòng và chuyển đổi số

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.tttthu@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Q2/2026: Lợi nhuận tăng mạnh; sát dự báo

- KQKD Q2/2026 của ELC sát với dự báo, với doanh thu thuần đạt 433 tỷ đồng (tăng 61% so với cùng kỳ và gấp 2,8 lần quý trước) và lợi nhuận thuần đạt 28 tỷ đồng (tăng 89% so với cùng kỳ và gấp 9,5 lần quý trước). Mức tăng mạnh này là do mức nền so sánh thấp trong Q2/2025 và Q1/2026.
- Tính chung nửa đầu năm 2026, doanh thu thuần đạt 548 tỷ đồng (tăng 66% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 30 tỷ đồng (tăng 56% so với cùng kỳ), bằng lần lượt 33% và 26% dự báo cả năm 2026 của HSC.
- Mặc dù vậy, HSC kỳ vọng ELC sẽ đẩy nhanh ghi nhận doanh thu và lợi nhuận trong nửa cuối năm 2026. Đây cũng là diễn biến thường thấy tại ELC do phần lớn dự án dự kiến hoàn thành vào cuối năm. HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị sau khi giá cổ phiếu suy yếu gần đây.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026

KQKD Q2/2026 tăng mạnh so với cùng kỳ và quý trước, chủ yếu do nền so sánh thấp. Cụ thể:

Doanh thu thuần: Tăng mạnh 61% so với cùng kỳ và gấp 2,8 lần quý trước

Doanh thu thuần Q2/2026 tăng mạnh 61% so với cùng kỳ và gấp 2,8 lần quý trước đạt 433 tỷ đồng, nhờ ELC đẩy nhanh bàn giao các dự án, chủ yếu là hệ thống giao thông thông minh (ITS), bao gồm cả những dự án chuyển tiếp từ Q1/2026.

HSC lưu ý rằng một số dự án ban đầu dự kiến hoàn thành trong Q1/2026. Tuy nhiên, do chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng sau căng thẳng Mỹ-Iran, ELC đã đàm phán với các chủ đầu tư để lùi thời điểm hoàn thành sang Q2/2026 nhằm chờ chi phí nguyên vật liệu đầu vào hạ nhiệt.

Theo đó, doanh thu thuần nửa đầu năm 2026 đạt 548 tỷ đồng (tăng 66% so với cùng kỳ), bằng 33% dự báo cả năm 2026 của HSC.

Lợi nhuận thuần: Tăng mạnh 89% so với cùng kỳ và gấp 9,5 lần quý trước

Nhờ tỷ suất lợi nhuận cải thiện, chủ yếu do cơ cấu sản phẩm, lợi nhuận thuần Q2/2026 tăng mạnh 89% so với cùng kỳ và gấp 9,5 lần quý trước đạt 28 tỷ đồng, sát với dự báo của HSC.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2026, ELC

Lợi nhuận thuần Q2/2026 tăng mạnh 89% so với cùng kỳ và 9,5 lần so với quý trước lên 28 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	svck	svqt	6T25	6T26	svck	% dự báo 2026
Doanh thu thuần	269	433	61.3%	279.2%	330	548	66.0%	32.6%
Lợi nhuận gộp	41	72	77.6%	156.7%	66	100	51.9%	
Lợi nhuận tài chính	5	5	3.4%	4.6%	11	10	-2.0%	
Chi phí BH&QL	(32)	(43)	35.9%	45.7%	(59)	(73)	24.3%	
LNTT	16	33	111.0%	846.0%	20	37	86.7%	
Lợi nhuận thuần	15	28	89.3%	947.9%	19	30	56.5%	25.8%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	15.2%	16.7%			20.0%	18.3%		
Chi phí BH&QL/doanh thu	-11.9%	-10.0%			-17.8%	-13.4%		
Tỷ suất lợi nhuận thuần	5.5%	6.4%			5.9%	5.6%		

Nguồn: ELC, HSC

Kỳ vọng đẩy nhanh ghi nhận doanh thu trong nửa cuối năm 2026

HSC kỳ vọng ELC sẽ đẩy nhanh ghi nhận doanh thu và lợi nhuận trong nửa cuối năm 2026. Đây cũng là diễn biến thường thấy tại ELC do phần lớn dự án dự kiến hoàn thành vào cuối năm. Trong những năm trước, Q4 thường đóng góp tỷ trọng lớn vào doanh thu và lợi nhuận cả năm. Tính đến cuối nửa đầu năm 2026, tổng giá trị hợp đồng chưa thực hiện của Công ty đạt 1 nghìn tỷ đồng.

Xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu sau khi giá cổ phiếu giảm gần đây. Sau khi giảm 13% trong 1 tháng qua, ELC đang giao dịch ở mức P/E trượt dự phóng 1 năm là 13,5 lần (theo các dự báo hiện tại của HSC), so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 20,5 lần.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, ELC

Mảng ITS đóng góp 80% vào tổng doanh thu trong Q2/2026...

Tỷ đồng	Q2/25	Q1/26	Q2/26	svck	svqt	6T25	6T26	svck
Tổng doanh thu	269	114	433	61.3%	279.2%	330	548	66.0%
Viễn thông	30	18	35	17.3%	89.6%	54	53	-2.1%
ITS	204	80	347	69.8%	333.4%	227	427	87.6%
An ninh - quốc phòng	27	11	48	77.5%	317.1%	37	59	58.5%
Chuyển đổi số & mảng khác	8	5	4	-46.2%	-5.2%	11	9	-20.0%
Tỷ trọng								
Viễn thông	11%	16%	8%			16%	10%	
ITS	76%	70%	80%			69%	78%	
An ninh - quốc phòng	10%	10%	11%			11%	11%	
Chuyển đổi số & mảng khác	3%	4%	1%			3%	2%	

Nguồn: ELC

Bảng 3: Cơ cấu lợi nhuận gộp, ELC

.. và 70% tổng lợi nhuận gộp

Tỷ đồng	Q2/25	Q1/26	Q2/26	svck	svqt	6T25	6T26	svck
Tổng lợi nhuận gộp	41	28	72	77.6%	156.7%	66	100	51.9%
Viễn thông	6	6	11	77.6%	67.4%	18	17	-4.1%
ITS	29	14	51	75.1%	252.4%	37	65	76.6%
An ninh - quốc phòng	5	5	10	107.3%	99.7%	10	15	56.3%
Chuyển đổi số & mảng khác	1	1	1	-11.2%	-35.8%	2	2	17.3%
Tỷ trọng								
Viễn thông	15%	23%	15%			23%	15%	
ITS	71%	51%	70%			51%	70%	
An ninh - quốc phòng	12%	18%	14%			18%	14%	
Chuyển đổi số & mảng khác	2%	4%	1%			4%	1%	

Nguồn: ELC

Bảng 4: Tỷ suất lợi nhuận gộp theo mảng kinh doanh, ELC

Tỷ suất lợi nhuận gộp trong Q2/2026 tăng nhẹ, với sự cải thiện ở tất cả các mảng kinh doanh (dù mức cải thiện ở mảng ITS khá khiêm tốn).

	Q2/25	Q1/26	Q2/26	svck (điểm %)	svqt (điểm %)	6T25	6T26	svck (điểm %)
Tỷ suất lợi nhuận gộp của ELC	15.2%	24.6%	16.7%	1.5	-8.0	20.0%	18.3%	(1.7)
Viễn thông	20.7%	35.4%	31.3%	10.6	-4.1	33.4%	32.7%	(0.7)
ITS	14.2%	18.0%	14.6%	0.4	-3.4	16.2%	15.2%	(0.9)
An ninh - quốc phòng	18.2%	44.4%	21.2%	3.1	-23.1	26.1%	25.7%	(0.4)
Chuyển đổi số & mảng khác	10.1%	24.6%	16.7%	6.6	-8.0	14.2%	20.8%	6.6

Nguồn: ELC, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	800	1,518	1,682	1,928	2,156
Lợi nhuận gộp	244	270	283	324	361
Chi phí BH&QL	(138)	(133)	(135)	(154)	(172)
Thu nhập khác	2.37	2.41	0	0	0
Chi phí khác	(5.25)	(1.10)	0	0	0
EBIT	104	139	148	169	189
Lãi vay thuần	11.4	19.3	2.57	4.07	7.41
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0.00	(5.84)	(5.84)	(5.84)	(5.84)
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	115	152	145	168	190
Chi phí thuế TNDN	(15.8)	(24.0)	(26.1)	(30.2)	(34.3)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(3.81)	(0.73)	(0.68)	(0.78)	(0.89)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	95.4	128	118	137	155
Lợi nhuận thuần ĐC	95.4	128	118	137	155
EBITDA ĐC	116	139	165	187	209
EPS (đồng)	1,146	1,159	1,074	1,241	1,410
EPS ĐC (đồng)	822	1,101	1,021	1,179	1,340
DPS (đồng)	0	0	500	500	500
Sig CP bình quân (triệu đv)	83.3	110	110	110	110
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	83.3	110	110	110	110
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	110	110	110	110	110

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	327	416	405	307	324
Đầu tư ngắn hạn	115	64.3	84.1	96.4	108
Phải thu khách hàng	662	996	1,009	1,099	1,164
Hàng tồn kho	77.5	219	202	212	216
Các tài sản ngắn hạn khác	3.09	5.57	6.73	7.71	8.62
Tổng tài sản ngắn hạn	1,185	1,701	1,707	1,722	1,820
TSCĐ hữu hình	100	104	108	114	119
TSCĐ vô hình	-	-	-	-	-
Bất động sản đầu tư	7.96	7.51	7.51	7.51	7.51
Đầu tư dài hạn	216	141	141	141	141
Đầu tư vào Cty LD,LK	109	103	103	103	103
Tài sản dài hạn khác	373	437	471	540	604
Tổng tài sản dài hạn	806	794	832	906	975
Tổng cộng tài sản	1,990	2,495	2,539	2,628	2,795
Nợ ngắn hạn	36.1	226	168	116	129
Phải trả người bán	443	301	336	386	431
Nợ ngắn hạn khác	25.8	33.5	33.5	33.5	33.5
Tổng nợ ngắn hạn	651	693	680	694	769
Nợ dài hạn	0	170	170	170	170
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	64.5	62.2	62.2	62.2	62.2
Nợ dài hạn khác	26.0	23.1	23.1	23.1	23.1
Tổng nợ dài hạn	90.4	256	256	256	256
Tổng nợ phải trả	741	949	936	950	1,025
Vốn chủ sở hữu	1,057	1,351	1,408	1,483	1,576
Lợi ích cổ đông thiểu số	192	195	195	195	195
Tổng vốn chủ sở hữu	1,249	1,546	1,603	1,678	1,770
Tổng nợ phải trả và VCSH	1,990	2,495	2,539	2,628	2,795
BVPS (đ)	12,692	12,273	12,794	13,473	14,313
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(291)	(20.1)	(66.9)	(20.7)	(24.2)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	104	139	148	169	189
Khấu hao	(12.5)	0	(16.2)	(18.0)	(20.1)
Lãi vay thuần	11.4	19.3	2.57	4.07	7.41
Thuế TNDN đã nộp	(26.4)	0	(20.2)	(23.1)	(25.9)
Thay đổi vốn lưu động	25.8	0	48.2	(33.6)	(7.13)
Khác	176	(444)	(50.3)	(120)	(92.9)
LCT thuần từ HKKD	140	(305)	156	101	148
Đầu tư TS dài hạn	-	-	-	-	-
Góp vốn & đầu tư	(210)	0	(20.2)	(23.1)	(25.9)
Thanh lý	67.9	0	0	0	0
Khác	140	0	(33.8)	(68.9)	(63.8)
LCT thuần từ HĐĐT	(2.29)	(139)	(54.0)	(92.1)	(89.6)
Cổ tức trả cho CSH	(1.01)	0	(55.0)	(55.0)	(55.0)
Thu từ phát hành CP	10.0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(6.38)	0	(57.9)	(52.5)	13.7
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	2.61	533	(113)	(108)	(41.4)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	186	327	416	405	307
LCT thuần trong kỳ	140	89.9	(11.1)	(98.7)	17.1
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.04	(0.16)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	327	416	405	307	324
Dòng tiền tự do	140	(305)	156	101	148

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	30.5	17.8	16.8	16.8	16.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.5	9.15	9.78	9.72	9.69
Tỷ suất LNT (%)	11.9	8.41	7.03	7.09	7.20
Thuế TNDN hiện hành (%)	13.7	15.7	18.0	18.0	18.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(18.4)	89.7	10.8	14.6	11.8
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	88.1	19.5	18.5	13.9	11.5
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	22.9	33.7	(7.29)	15.5	13.6
Tăng trưởng EPS (%)	21.4	1.12	(7.29)	15.5	13.6
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	22.0	34.0	(7.29)	15.5	13.6
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	46.5	40.3	35.5
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	9.45	10.6	8.57	9.45	10.2
ROACE (%)	8.05	8.84	8.11	8.93	9.54
Vòng quay tài sản (lần)	0.42	0.68	0.67	0.75	0.80
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.35	(2.20)	1.05	0.60	0.78
Số ngày tồn kho	50.9	64.1	52.7	48.2	43.8
Số ngày phải thu	435	291	263	250	237
Số ngày phải trả	291	88.2	87.8	87.7	87.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(16.4)	6.52	3.61	7.70	8.04
Nợ/tài sản (%)	7.72	20.2	18.0	16.0	16.1
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.32	3.63	2.77	2.25	2.16
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.82	2.45	2.51	2.48	2.37
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.19	1.07	0.94	0.84	0.75
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.18	11.7	9.56	8.64	7.73
P/E (lần)	13.0	12.9	13.9	12.0	10.6
P/E ĐC (lần)	18.1	13.5	14.6	12.6	11.1
P/B (lần)	1.17	1.21	1.16	1.11	1.04
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	3.36	3.36	3.36

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn